

Bản án số: 116/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/7/2018.

V/v tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Phước Công.

Bà Phan Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Nguyễn K, sinh năm 1994; (có mặt).

Cư trú: Tổ 8, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Nguyễn K trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà T quen biết và chung sống với nhau vào năm 2014 đến năm 2015 thì được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2016. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 07/2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc. Vợ chồng không còn sống chung khoảng hai năm nay và vợ chồng không liên lạc nhau, không gặp mặt nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng

không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với vợ là Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Huỳnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2015. Hiện nay, cháu T do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông K tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh K và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng hay cãi nhau về vấn đề tài chính. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K yêu cầu ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh K đồng ý để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hiện tại, cháu T đang được chị T chăm sóc nuôi dưỡng tốt. Để đảm bảo cho cháu T phát triển ổn định, nên để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông K khởi kiện ly hôn với bà T, bà T có nơi cư trú ấp L, xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Ông K và bà T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2015 ngày 25 tháng 4 năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông K xác định, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, lý do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông K và bà T đã kéo dài nhưng vợ chồng không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm với nhau và không còn sống chung với nhau nên vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau. Bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo triệu tập bà để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án. Từ đó, thấy rằng bà không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng, bỏ mặc ông K muốn làm gì thì làm đủ để thấy giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K là phù hợp.

[2]. Về con chung: Ông K xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Huỳnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2015. Hiện nay, cháu T đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét, trong thời gian vợ chồng không sống chung, cháu T đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, tại phiên tòa ông K cũng đồng ý để bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Do đó, nhằm tạo điều kiện cho cháu T phát triển tốt và ổn định tâm lý đối với con chưa thành niên. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không gửi ý kiến cũng như Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà về yêu cầu cấp dưỡng cho cháu T. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển toàn diện của cháu T cũng như nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện

cấp dưỡng nuôi con của ông K là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Ông K xác định không có nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Ông K xác định không có nên không đề cập đến.

Ghi nhận việc ông K xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông K và bà T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Nguyễn K đối với bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Nguyễn K được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2015. Hiện nay, cháu T đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Ông Huỳnh Nguyễn K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Ông Huỳnh Nguyễn K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng cho con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0019394 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 21/3/2018. Ông K còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Về quyền kháng cáo:

Ông K có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong

